






Tóm tắt nội dung chính

Báo cáo hàng tháng tóm tắt những quan sát và phân tích của chúng tôi về những diễn biến chính trên thị trường trái phiếu doanh nghiệp (TPDN). Dưới đây là tiêu điểm trong tháng dành cho tổ chức phát hành (TCPH) và nhà đầu tư TPDN.

TPDN phát hành mới trong tháng 11/2024 đạt 23.4 nghìn tỷ đồng, tổng tính từ đầu năm đạt 403 nghìn tỷ đồng. 11% số TCPH phát hành trái phiếu trong tháng 11/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc yếu hơn, tất cả doanh nghiệp này đều thuộc nhóm phi tài chính. Trong tháng 11/2024, có một trái phiếu chậm trả gốc thuộc nhóm du lịch, nghỉ dưỡng. Chúng tôi đánh giá rằng có 15 trong số 51 trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 gặp rủi ro cao không trả được nợ gốc. Giá trị trung bình giao dịch TPDN thứ cấp giảm 18% so với tháng trước.

Hình 1: Những xu hướng chính trong tháng 11/2024

	TIÊU ĐIỂM	XU HƯỚNG	NHỮNG ĐIỂM NỔI BẬT
	Chậm trả gốc/lãi	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Có một trái phiếu chậm trả phát sinh mới từ CTCP Crystal Bay trong tháng 11, với giá trị gốc chậm trả là 421 tỷ đồng Tỷ lệ chậm trả toàn thị trường đến cuối tháng 11/2024 giữ ở mức 15.3% 15 trong tổng số 51 trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 có rủi ro cao không trả được nợ gốc đúng hạn
	Tình hình xử lý chậm trả	Tăng	<ul style="list-style-type: none"> Có 13 TCPH đã thanh toán một phần/hoặc toàn bộ dư nợ gốc trái phiếu chậm trả với tổng giá trị là 1,148 tỷ đồng trong tháng 11/2024 Tỷ lệ thu hồi nợ gốc chậm trả tăng thêm 0.4% lên mức 21.7%
	Phát hành mới	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Lượng phát hành mới trong tháng 11/2024 là 23.4 nghìn tỷ đồng, thấp hơn so với mức 39.1 nghìn tỷ phát hành mới trong tháng 10/2024 Trong số 403 nghìn tỷ đồng phát hành mới từ đầu năm đến nay, 10.2% trong số đó được phát hành ra công chúng
	Hồ sơ tín nhiệm của TCPH	Ổn định	<ul style="list-style-type: none"> 11% số TCPH trong tháng 11/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung Bình' hoặc yếu hơn, không thay đổi so với tháng trước 11 tháng đầu năm, 55% TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở và Xây dựng. Một vài TCPH thuộc nhóm Tổ chức tài chính có hồ sơ tín nhiệm yếu có Tính thanh khoản và Khả năng thanh toán ở mức "Dưới trung bình" hoặc thấp hơn
	Thị trường thứ cấp	Giảm	<ul style="list-style-type: none"> Giá trị giao dịch TPDN thứ cấp trung bình giảm 18% so với tháng trước, đạt 5.2 nghìn tỷ/ngày trong 11/2024, thấp hơn so với 6.4 nghìn tỷ/ngày trong tháng trước Trong tháng 11/2024, khoảng 70% giá trị giao dịch thuộc nhóm ngành Ngân hàng và Bất động sản

 (*) Màu sắc đậm nhạt thể hiện mức độ từ tiêu cực đến tích cực của các xu hướng

Nguồn: VIS Rating

LIÊN HỆ

Trần Quốc Thắng, MBA
Chuyên viên phân tích
thang.tran@visrating.com

Phạm Anh Tú, MSc
Chuyên viên phân tích
tu.pham@visrating.com

Nguyễn Đình Duy, CFA
Chuyên gia phân tích cao cấp
duy.nguyen@visrating.com

Simon Chen, CFA
Giám đốc Xếp hạng
và nghiên cứu
simon.chen@visrating.com



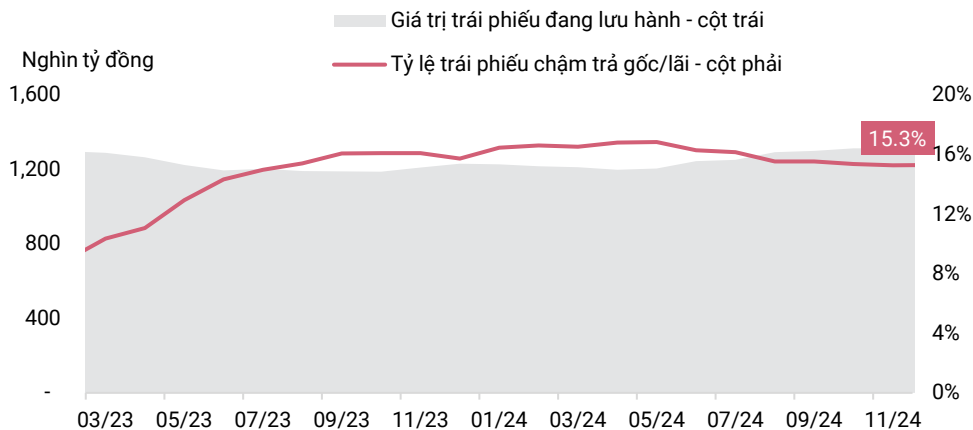
<https://visrating.com>

Tình hình chậm trả gốc/lãi

Một trái phiếu chậm trả phát sinh mới trong tháng 11/2024

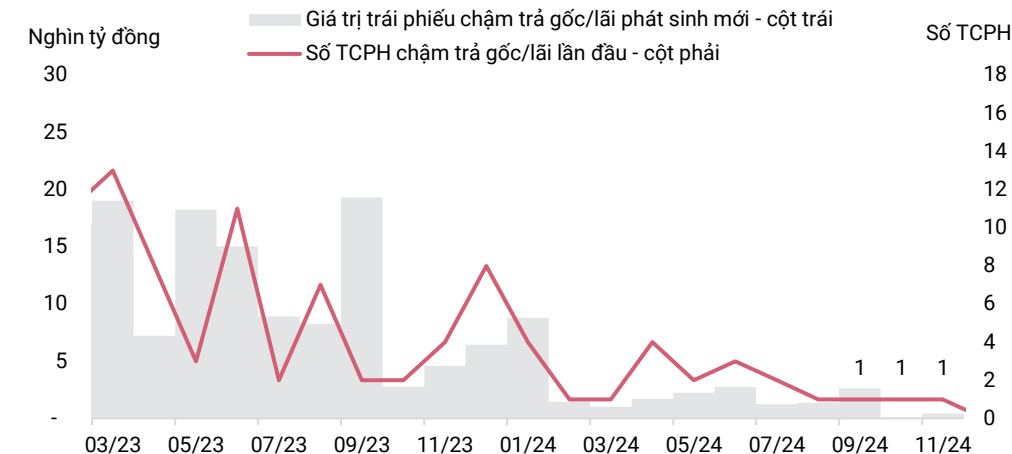
- Tháng 11 năm 2024, một trái phiếu chậm trả được công bố từ CTCP Crystal Bay, một công ty thuộc nhóm ngành du lịch, nghỉ dưỡng, với tổng giá trị gốc chậm trả là 421 tỷ đồng. TCPH này đã chậm trả nợ gốc vào ngày 5 tháng 11 năm 2024. Sau đó, trái chủ - VNDirect - sở hữu 100%¹ trái phiếu này, đã chấp thuận gia hạn thanh toán đến ngày 30 tháng 11 năm 2024. Hiện tại chưa có thông báo thanh toán cho trái phiếu này. Trái phiếu này được bảo đảm bằng 78,2 triệu cổ phiếu của CTCP Crystal Bay và VNDirect cũng là đơn vị tư vấn, bảo lãnh phát hành và đại diện cho trái chủ. Chúng tôi coi những cổ phiếu là tài sản đảm bảo này có tính thanh khoản thấp vì đây là cổ phiếu của công ty không niêm yết. Ngoài ra, chúng tôi đánh giá rằng công ty sẽ tiếp tục có nguy cơ chậm trả gốc/lãi cao khi có hồ sơ tín nhiệm yếu với dòng tiền hoạt động âm, đòn bẩy cao và nguồn tiền mặt hạn chế. Theo thông tin công bố, TCPH này đã lỗ 76 tỷ đồng trong 6 tháng 2024 và 136 tỷ đồng trong 6 tháng 2023.
- 43 trái phiếu chậm trả gốc/lãi lần đầu trong năm 2024 tính đến thời điểm hiện tại, với tổng giá trị là 23,2 nghìn tỷ đồng. Con số này đã giảm đáng kể so với 369 trái phiếu chậm trả gốc/lãi với tổng giá trị là 144,3 nghìn tỷ đồng trong năm 2023.
- Tỷ lệ chậm trả lũy kế vào cuối tháng 11/2024 giữ ở mức 15,3%. Nhóm Năng lượng có tỷ lệ chậm trả cao nhất ở mức 44%, trong khi nhóm Bất động sản Nhà ở chiếm 60% tổng lượng trái phiếu chậm trả.

Hình 3: Tỷ lệ trái phiếu chậm trả và giá trị TPDN đang lưu hành



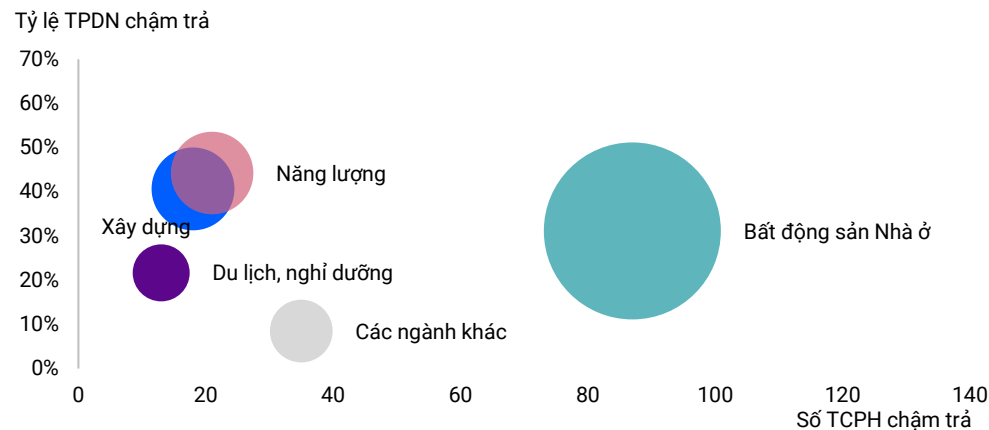
Ghi chú: Giá trị trái phiếu đang lưu hành bao gồm cả các trái phiếu đã từng vi phạm chậm trả và đã quá ngày đáo hạn nhưng chưa công bố hoàn thành trả đủ gốc/lãi cho trái chủ.
 Nguồn: VIS Rating

Hình 2: Trái phiếu chậm trả phát sinh mới theo tháng



Ghi chú: Chúng tôi điều chỉnh số liệu tháng 9 và tháng 10/2024 do một số TCPH chậm công bố thông tin
 Nguồn: VIS Rating

Hình 4: Lượng trái phiếu chậm trả theo các nhóm ngành



Ghi chú: Kích thước hình tròn thể hiện quy mô giá trị mệnh giá trái phiếu chậm trả lũy kế từ tháng 4/2022
 Nguồn: VIS Rating

¹ Tham khảo đến thông báo này trên HNX: [oDg3Vr_7.VND-CV-1129-18112024.pdf](https://www.hnx.vn/Content/Upload/2024/11/0Dg3Vr_7.VND-CV-1129-18112024.pdf)

* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 01 tháng 12 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác
 Ấn phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 5: Danh sách trái phiếu chậm trả lần đầu trong tháng 11/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo trên HNX	Chậm trả	Lần đầu TCPH chậm trả gốc/lãi	Dư nợ gốc chậm trả (tỷ đồng)	Tổng dư nợ trái phiếu đang lưu hành của TCPH (tỷ đồng)
CBGCB2124001	CTCP Crystal Bay	Du lịch, nghỉ dưỡng	450	5-11-21	30-11-24	Cố định	9.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VND	5-11-24	20-11-24	Gốc	5-11-24	421	421

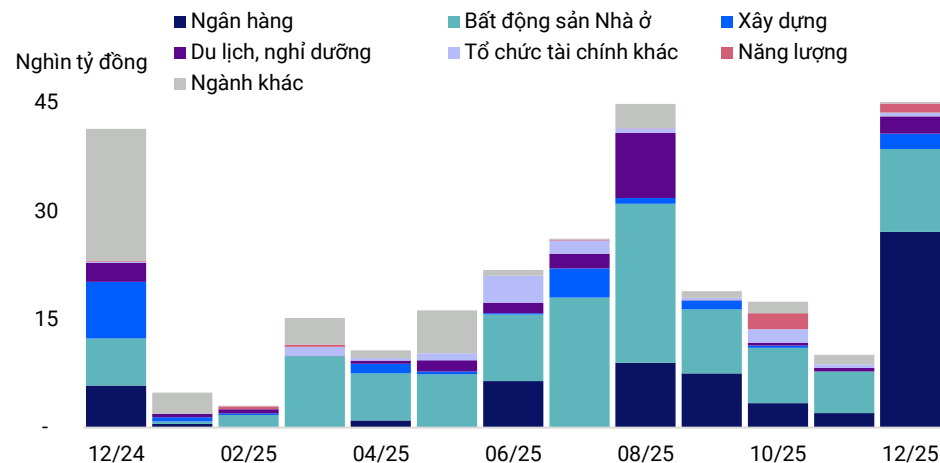
Nguồn: HNX, VIS Rating

TPDN sắp đáo hạn có rủi ro cao

15 trong số 51 trái phiếu đáo hạn trong tháng 11/2024 có nguy cơ chậm trả nợ gốc

- Trong số 51 trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024, chúng tôi đánh giá rằng có 15 trái phiếu có nguy cơ chậm trả nợ gốc. Hầu hết những trái phiếu này đã chậm trả lãi trái phiếu trước đó.
- 30% số trái phiếu đáo hạn tháng 12 năm 2024 có nguy cơ chậm trả gốc, cao hơn so với tỷ lệ 20% trái phiếu chậm trả nợ gốc trong 11 tháng đầu năm 2024.
- Trong vòng 12 tháng tới, có khoảng 105 nghìn tỷ đồng trái phiếu đáo hạn thuộc nhóm ngành Bất động sản Nhà ở, chiếm 45% tổng giá trị trái phiếu đáo hạn. Trong số này, chúng tôi ước tính có khoảng 21 nghìn tỷ đồng trái phiếu có nguy cơ chậm trả nợ gốc.

Hình 6: Lượng trái phiếu đáo hạn hàng tháng theo nhóm ngành

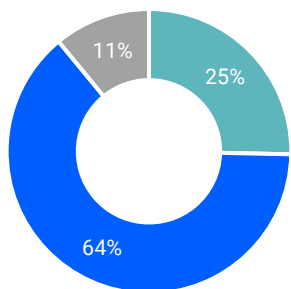


Nguồn: VIS Rating

Hình 7: Trái phiếu có rủi ro cao trong tháng 12/2024 theo nhóm ngành và theo loại hình doanh nghiệp

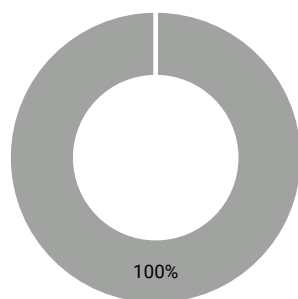
Trái phiếu rủi ro cao theo nhóm ngành

- Bất động sản Nhà ở
- Năng lượng
- Ngành khác



Trái phiếu rủi ro cao theo loại hình doanh nghiệp

- TCPH khác
- Công ty mới thành lập không có HDKD cốt lõi

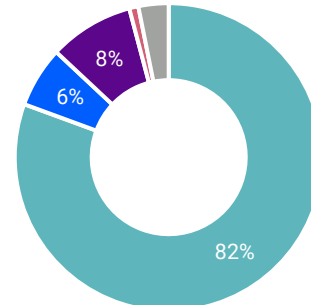


Nguồn: VIS Rating

Hình 8: Lượng trái phiếu đáo hạn trong 12 tháng tới theo nhóm ngành

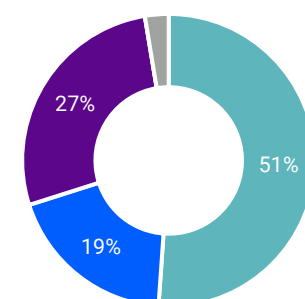
Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi

- Bất động sản Nhà ở
- Du lịch, nghỉ dưỡng
- Ngành khác
- Xây dựng
- Năng lượng



Trái phiếu có rủi ro cao

- Bất động sản Nhà ở
- Du lịch, nghỉ dưỡng
- Ngành khác
- Xây dựng
- Năng lượng



Ghi chú: Trái phiếu đã chậm trả gốc, lãi là trái phiếu đã từng chậm trả lãi hoặc chậm trả gốc nhưng đã được chấp thuận gia hạn kỳ hạn trả gốc trái phiếu

Nguồn: VIS Rating

Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HDKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
VJCH2124006	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	1,000	1-12-21	1-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	1,000	22,000	Không	Không	835	16,518	4.58	T6-24
MCHBONDS2014	CTCP Hàng tiêu dùng Masan	Sản phẩm tiêu dùng	2,100	5-12-14	5-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VCBS	2,100	2,100	Không	Không	3,782	24,361	0.64	T6-24
TMG201903	CTCP Du lịch Thiên Minh	Du lịch, nghỉ dưỡng	50	12-6-19	6-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	50	50	Không	Không	(141)	1,254	3.18	T6-23
TKV5Y.2019	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	Kim loại & Khai khoáng	2,000	6-12-19	6-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	SHS	2,000	4,000	Không	Không	6,329	48,818	1.34	T12-23
ACB.2019.04	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	1,500	6-12-19	6-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	SHS	1,500	46,020	Không	Không	8,374	74,793	9.29	T6-24
IDTCH2123001	CTCP IDTT	Xây dựng	100	10-6-21	10-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BVS	40	240	Không	Không	14	404	1.76	T6-24
MB.BOND.2017.7Y.13	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	200	14-12-17	14-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBS	200	32,705	Không	Không	10,726	104,214	8.49	T6-24
VIB_B2017	Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	Ngân hàng	1,100	15-12-17	15-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSDC	100	15,148	Không	Không	3,684	38,350	10.20	T6-24
SDICB2124001	CTCP Đầu tư và Phát triển Sài Gòn	Xây dựng	6,575	15-12-21	15-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCI	6,575	6,575	Không	Không	4,421	5,356	21.66	T6-24
FHDCH2124001	CTCP Flamingo Holding Group	Du lịch, nghỉ dưỡng	600	16-12-21	16-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVS	255	255	Không	Không	176	2,778	1.41	T6-24
CLACH2124003	Công ty TNHH Đầu tư Cam Lâm	Du lịch, nghỉ dưỡng	240	16-12-21	16-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	EVS	240	499	Không	Không				Không có thông tin
BIDCH2124002	CTCP BIDGROUP	Xây dựng	330	16-12-21	16-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BVS	330	330	Không	Không	2	1,639	1.77	T6-24
BVBH2124005	Ngân hàng TMCP Bản Việt	Ngân hàng	1,000	17-12-21	17-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VPBS	1,000	2,853	Không	Không	121	6,016	14.04	T6-24
PHICH2124001	Công ty TNHH Đầu tư Phúc Hậu	Bất động sản	400	17-12-21	17-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	EVS	400	400	Không	17-12-22	(1)	227	2.56	T6-24
DPHCB2124001	CTCP Đại Phú Hòa	Bất động sản	3,560	17-12-21	17-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCI	3,560	3,560	Không	Không				Không có thông tin
H79CH2124001	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	500	18-3-21	19-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	459	4,791	Không	18-6-23	(538)	18,284	3.42	T6-24
H79CH2123002	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	400	19-3-21	19-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	332	4,791	Không	19-7-23	(538)	18,284	3.42	T6-24
IPAH2124003	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Năng lượng	1,000	20-12-21	20-12-24	Ưu tiên	Warrant	VND	110	3,258	Không	Không	193	4,228	1.06	T6-24
GLTCH2124001	CTCP Đầu tư và Kinh doanh Golf Long Thành	Du lịch, nghỉ dưỡng	1,000	21-12-21	21-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VISE	1,000	1,000	Không	Không	15	6,763	2.27	T6-24
MB.BOND.2017.7Y.14	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	600	22-12-17	22-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBS	600	32,705	Không	Không	10,726	104,214	8.49	T6-24
VC2H2124002	CTCP Đầu tư và Xây dựng Vina2	Xây dựng	110	22-12-21	22-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	110	110	Không	Không	8	685	2.75	T6-24
SBPCB2124001	CTCP Sunbay Ninh Thuận	Du lịch, nghỉ dưỡng	0	23-12-21	23-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	0	1,555	Không	Không	(14)	746	4.46	T6-24

(*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục. Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất *
TCSCH2124015	CTCP Chứng khoán Kỹ Thương	Tổ chức tài chính khác	498	23-12-21	23-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCI	9	4,084	Không	Không	2,226	24,643	1.11	T6-24
SBPCB2124002	CTCP Sunbay Ninh Thuận	Du lịch, nghỉ dưỡng	800	23-12-21	23-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	655	1,555	Không	Không	(14)	746	4.46	T6-24
GEXH2124002	CTCP Tập đoàn GELEX	Sản xuất khác	1,000	23-12-21	23-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VIX	600	1,750	Không	Không	686	21,403	1.45	T6-24
HONGPHONG1_BOND_2019_1	CTCP Năng lượng Hồng Phong 1	Năng lượng	400	24-12-19	24-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VCBS	40	2,190	Không	Không	112	1,203	3.88	T6-24
DPWCB2324001	CTCP Đầu tư ngành nước DNP	Nước	50	26-12-23	26-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	50	300	Không	Không	25	3,901	1.12	T6-24
VJCH2124007	CTCP Hàng không Vietjet	Vận tải	3,000	27-12-21	27-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	3,000	22,000	Không	Không	835	16,518	4.58	T6-24
VIFCB2124004	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất oto	5,000	27-12-21	27-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCI	5,000	20,120	Không	Không	(9,068)	8,457	23.07	T6-24
SPCCH2124001	CTCP Sapphire Coast	Bất động sản	707	27-12-21	27-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BMS	469	469	Không	27-12-22	0	360	1.87	T6-24
SEABOND14.24-003	Ngân hàng TMCP Đông Nam Á	Ngân hàng	400	27-12-14	28-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	SEASE CURIT IES	400	4,084	Không	Không	2,583	32,769	7.56	T6-24
MB.BOND.2017.7Y.16	Ngân hàng TMCP Quân Đội	Ngân hàng	25	28-12-17	28-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBS	25	32,705	Không	Không	10,726	104,214	8.49	T6-24
HDB1924_07	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	2	27-12-19	28-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	2	43,683	Không	Không	6,465	52,826	10.82	T6-24
VIFCB2124003	CTCP Sản xuất và Kinh doanh Vinfast	Sản xuất oto	1,500	28-12-21	28-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	TCI	1,500	20,120	Không	Không	(9,068)	8,457	23.07	T6-24
BIDL2224027	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	Ngân hàng	1,500	29-8-22	29-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BID	1,500	65,014	Không	Không	12,450	134,700	17.72	T6-24
F88CH2324003	CTCP Kinh doanh F88	Tổ chức tài chính khác	150	29-12-23	29-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VSDC	150	570	Không	Không	89	1,520	1.96	T6-24
BAB1924.0202_3012	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	500	30-12-19	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VND	500	13,024	Không	Không	434	11,205	12.79	T6-24
80A	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	Du lịch, nghỉ dưỡng	72	30-12-19	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	PSI	51	101	Không	Không	(149)	(244)	(18.15)	T6-24
80B	Công ty TNHH Mặt Trời Cẩm Phả	Du lịch, nghỉ dưỡng	72	27-3-20	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	PSI	51	101	Không	Không	(149)	(244)	(18.15)	T6-24
NTGCH2124002	CTCP Tập đoàn Ngọc Thiên Global	Kim loại & Khai khoáng	453	30-12-21	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	IVS	453	453	Không	Không	8	1,577	8.63	T12-21
LACCH2124001	CTCP Thương mại Dịch Vụ Hoa Lâm An	Dịch vụ	700	30-12-21	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	EVS	700	700	Không	Không	3	124	5.96	T6-24
CGGCH2124001	CTCP Đầu tư thương mại và dịch vụ Việt Mỹ A&V	Bán lẻ & Bán buôn	283	30-12-21	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HDBS	283	283	Không	Không	14	768	1.82	T6-24
HDCH2224002	CTCP Phát triển Nhà Bà Rịa - Vũng Tàu	Bất động sản	70	30-12-22	30-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	CTS	70	70	Không	Không	59	2,300	1.20	T6-24
HPX122018	CTCP Đầu tư Hải Phát	Bất động sản	300	31-12-18	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	AAS	300	800	Không	30-6-23	33	3,367	1.69	T6-24

(*) Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục

Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 9: Danh sách trái phiếu đáo hạn trong tháng 12/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký (*)	Giá trị trái phiếu (tỷ đồng)	Tổng giá trị trái phiếu của TCPH (tỷ đồng)	Doanh nghiệp mới thành lập không có HĐKD cốt lõi	Chậm trả gốc/lãi	Lợi nhuận sau thuế (tỷ đồng)	Vốn chủ sở hữu (tỷ đồng)	Nợ/Vốn chủ sở hữu	Báo cáo tài chính gần nhất*
THACO_BOND_2019_01	CTCP Ô tô Trường Hải	Bán lẻ & Bán buôn	2,000	31-12-19	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	VCBS	1,600	13,980	Không	Không	1,011	54,260	2.45	T6-24
WTO_BOND_BOND2019_2	Tổng công ty CP Thương mại Xây dựng	Bất động sản	550	31-8-20	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	MBB	318	5,109	Không	Không	340	16,491	1.90	T6-24
SRSCH2124002	CTCP Đầu tư và Xây dựng Sunrise Việt Nam	Bất động sản	500	31-12-21	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	HRS	500	1,000	Không	Không	2	560	4.09	T6-24
NWCCH2124001	Công ty TNHH New World Capital	Bất động sản	100	31-12-21	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	DSC	100	100	Không	Không	3	410	0.58	T6-24
CKGH2124001	CTCP Tập đoàn Tư vấn Đầu tư Xây dựng Kiên Giang	Xây dựng	500	31-12-21	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BMS	500	500	Không	Không	54	1,376	2.25	T6-24
PAICH2124001	CTCP Nông nghiệp sạch Phú Sơn	Du lịch, nghỉ dưỡng	350	31-12-21	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	EVS	350	350	Không	31-12-22	Không có thông tin			
DFFH2124002	CTCP Tập đoàn Đua Fat	Xây dựng	300	31-12-21	31-12-24	Ưu tiên	Không bảo đảm	BVS	300	300	Không	Không	(135)	565	5.81	T6-24

(*) Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục. Số liệu tài chính của TCPH được cập nhật gần nhất tại <https://cbonds.hnx.vn/>

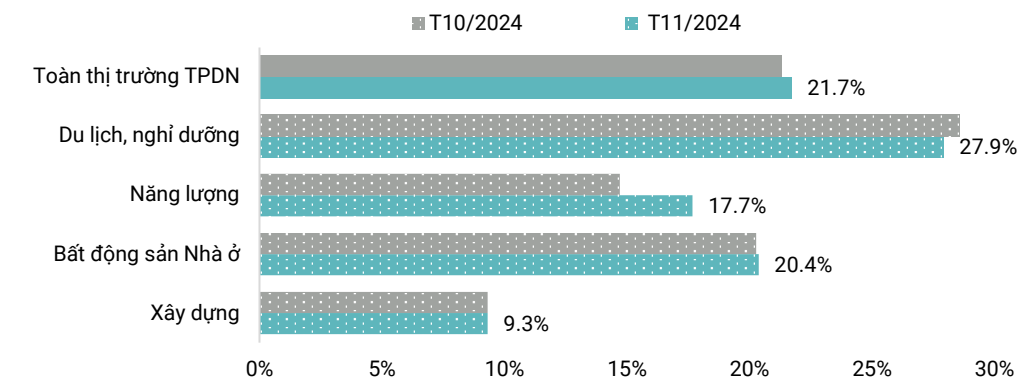
Nguồn: HNX, VIS Rating

Tình hình xử lý TPDN chậm trả

Trong tháng 11/2024, các TCPH đã trả cho trái chủ tổng cộng 1,148 tỷ đồng dư nợ gốc chậm trả

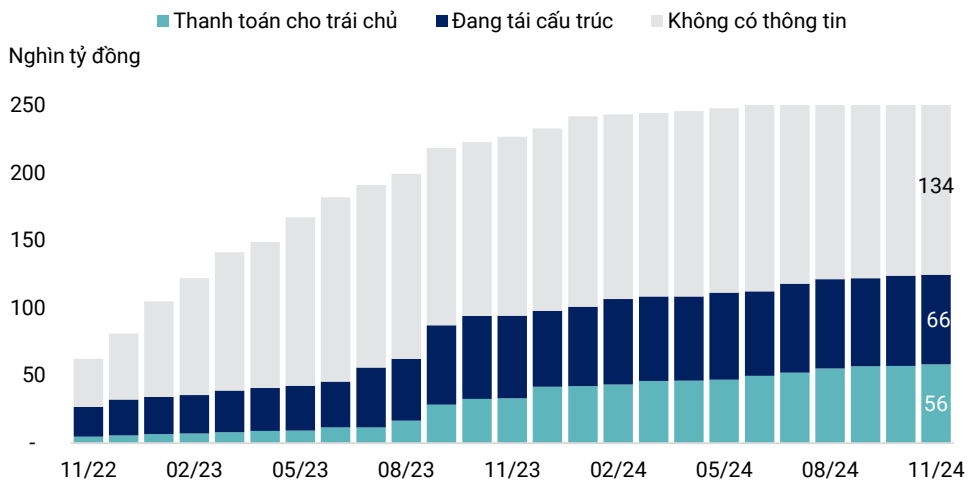
- Trong tháng 11/2024, 13 TCPH chậm trả thuộc các lĩnh vực Bất động sản Nhà ở, Năng lượng và Dịch vụ đã hoàn trả tổng cộng 1,148 tỷ đồng tiền gốc cho các trái chủ. Trong số các đơn vị phát hành này, Phong Điện Yang Trung, Bất động sản Cát Liên Hoa, Địa ốc Mai Viên và Neo Floor đã hoàn trả toàn bộ số tiền gốc còn lại của một số trái phiếu cho các trái chủ. Sau khi hoàn trả, Mai Viên và Neo Floor không còn dư nợ trái phiếu, trong khi Cát Liên Hoa vẫn còn một khoản chậm trả với giá trị gốc là 310 tỷ đồng trong khi Yang Trung còn lại 70 tỷ đồng nợ gốc.
- 80% tổng dư nợ được hoàn trả trong tháng đến từ các công ty Năng lượng chậm trả lãi trái phiếu trong năm 2022 và 2023. Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả của nhóm ngành năng lượng tăng 3% lên 17.7% vào cuối tháng 11/2024.
- Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả của toàn thị trường TPDN đã tăng 0.4% lên 21.7% vào cuối tháng 11/2024.

Hình 10: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo nhóm ngành



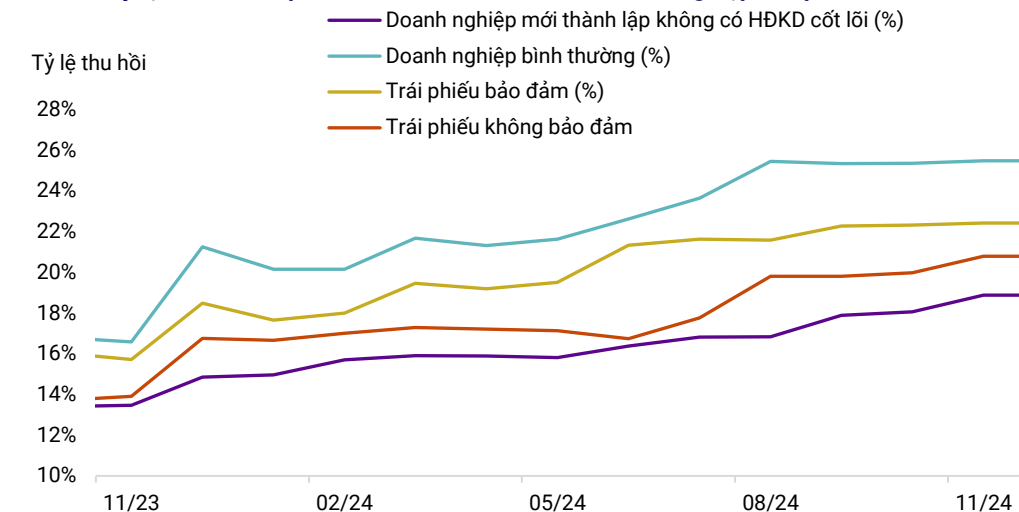
Ghi chú: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả dựa vào số liệu hoàn trả gốc trái phiếu đã chậm trả, bao gồm cả các trường hợp đã trả một phần gốc trái phiếu và đang tiếp tục tái cấu trúc nợ
 Nguồn: VIS Rating

Hình 11: Tình hình tái cấu trúc nợ của trái phiếu chậm trả gốc/lãi



Nguồn: VIS Rating

Hình 12: Tỷ lệ thu hồi trái phiếu chậm trả theo loại hình doanh nghiệp/trái phiếu



Ghi chú: Doanh nghiệp mới thành lập không có hoạt động kinh doanh (HDKD) cốt lõi hầu hết có nguồn tiền từ hoạt động kinh doanh hạn chế
 Nguồn: VIS Rating

Hình 13: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 11/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc
															(tỷ đồng)	(tỷ đồng)
BBP.H.20.23.001	CTCP BB Power Holdings	Năng lượng	400	24-12-20	25-3-25	Cố định - 3 tháng	13.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	24-12-23	Gốc	18-11-24	Trả bằng tiền	98	302
HSC.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định - 3 tháng	13.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-12-23	Gốc	18-11-24	Trả bằng tiền	114	386
HS2.H.20.23.001	CTCP Đầu tư năng lượng Hoàng Sơn 2	Năng lượng	500	25-12-20	25-12-25	Cố định - 3 tháng	13.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	25-12-23	Gốc	18-11-24	Trả bằng tiền	113	387
NPECH2126001	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	450	23-8-21	23-3-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:13.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVS	23-8-23	Lãi	18-11-24	Trả bằng tiền	40	410
NPECH2128002	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	900	26-11-21	26-3-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:13.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: + 4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	28-8-23	Lãi	18-11-24	Trả bằng tiền	80	820
APC.H.20.28.001	CTCP Thương mại Công nghệ An Phát	Dịch vụ	200	30-12-20	30-12-28	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	30-9-22	Lãi	19-11-24	Trả bằng tiền	62	138
IMGCH2226001	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản	116	12-5-22	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 24 tháng: +3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	12-11-23	Lãi	20-11-24	Trả bằng tiền	38	77
IMGCH2126002	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản	31	15-11-21	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 24T: + 3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	15-11-23	Lãi	20-11-24	Trả bằng tiền	10	21
IMGCH2126003	CTCP Đầu tư IMG Huế	Bất động sản	3	31-12-21	15-11-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 24T: +4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	MBB	31-12-23	Lãi	20-11-24	Trả bằng tiền	2	2
NPECH2229001	CTCP Đầu tư năng lượng Nam Phương	Năng lượng	300	18-3-22	18-3-26	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:13.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.7%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-9-23	Lãi	26-11-24	Trả bằng tiền	28	272
HTL-H2023-004	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	31-8-23	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	6	194
HTL-H2023-005	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	300	28-8-20	28-8-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	28-8-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	12	288
HTL-H2023-006	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	30-11-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	14	186
HTL-H2023-010	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	31-8-23	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	3	197
HTL-H2023-007	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	30-11-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	21	179
HTL-H2023-008	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	30-11-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	15	185
HTL-H2023-009	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	200	31-8-20	30-11-24	Cố định - 3 tháng	11.0%	Ưu tiên	Không bảo đảm	TVSI	31-8-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	14	186
H79CH2123021	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	500	18-8-21	18-8-23	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:10.3% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.3%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-5-23	Gốc	27-11-24	Hoán đổi tài sản	10	396
H79CH2124017	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	600	11-6-21	11-6-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu:10.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVS	12-6-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	73	527

(*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục
Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 13: Các hoạt động tái cấu trúc trái phiếu chậm trả được công bố trong tháng 11/2024 (tiếp tục)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Thứ tự thanh toán	Hình thức bảo đảm	Tổ chức lưu ký	Ngày bắt đầu chậm trả gốc/lãi	Chậm trả gốc/lãi	Ngày thông báo tái cấu trúc trên HNX	Loại hình tái cấu trúc	Giá trị gốc đã trả (tỷ đồng)	Giá trị còn lại sau tái cấu trúc (tỷ đồng)
H79CH2123002	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	400	19-3-21	19-12-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 15.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	19-7-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	9	332
H79CH2124001	CTCP Hưng Thịnh Land	Bất động sản	500	18-3-21	19-12-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	18-6-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	41	459
NVLH2123014	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	1,000	18-11-21	18-5-23	Cố định - 6 tháng	10.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	PSI	18-5-23	Gốc	27-11-24	Trả bằng tiền	348	652
NVLH2224005	CTCP Tập đoàn Đầu tư Địa ốc No Va	Bất động sản	500	16-F2-22	16-2-24	Cố định - 6 tháng	10.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	BSI	16-Feb-24	Gốc	27-11-24	Trả bằng tiền	6	478
NTDCH2227001	Công ty TNHH NOVA Thảo Điền	Bất động sản	2,300	5-9-22	5-9-27	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 10.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4.4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	TVSI	05-3-23	Lãi	27-11-24	Hoán đổi tài sản	217	2,083
MVJCH2124001	CTCP Đầu tư địa ốc Mai Viên	Bất động sản	600	26-10-21	15-11-24	Cố định - 12 tháng	11.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	EVS	26-Oct-24	Gốc	27-11-24	Trả bằng tiền	100	-
NEOCH2123001	CTCP Neo Floor	Vật liệu xây dựng	250	4-8-21	26-11-24	Cố định - 6 tháng	14.0%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	04-8-23	Gốc	27-11-24	Trả bằng tiền	250	-
YTWCH2124003	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	230	22-9-21	25-11-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền vay 6T: +2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-3-23	Lãi	28-11-24	Trả bằng tiền	230	-
YTWCH2124004	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	30	22-12-21	25-11-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-12-22	Lãi	28-11-24	Trả bằng tiền	30	-
YTWCH2125005	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	260	22-12-21	25-11-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền vay 6T: +2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-12-22	Lãi	28-11-24	Trả bằng tiền	260	-
YTWCH2126006	CTCP Phong điện Yang Trung	Năng lượng	260	22-12-21	25-11-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền vay 6T: +2.5%	Ưu tiên	Có bảo đảm	SHS	22-12-22	Lãi	28-11-24	Trả bằng tiền	260	-
CLHCH2125005	Công ty TNHH Phát triển Bất động sản Cát Liên Hoa	Bất động sản	1	30-9-21	14-11-24	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu: 8.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T: +4%	Ưu tiên	Có bảo đảm	VPBS	28-8-24	Lãi	28-11-24	Trả bằng tiền	1	-

(*)Ghi chú: Tên đầy đủ của Tổ chức lưu ký tại phụ lục

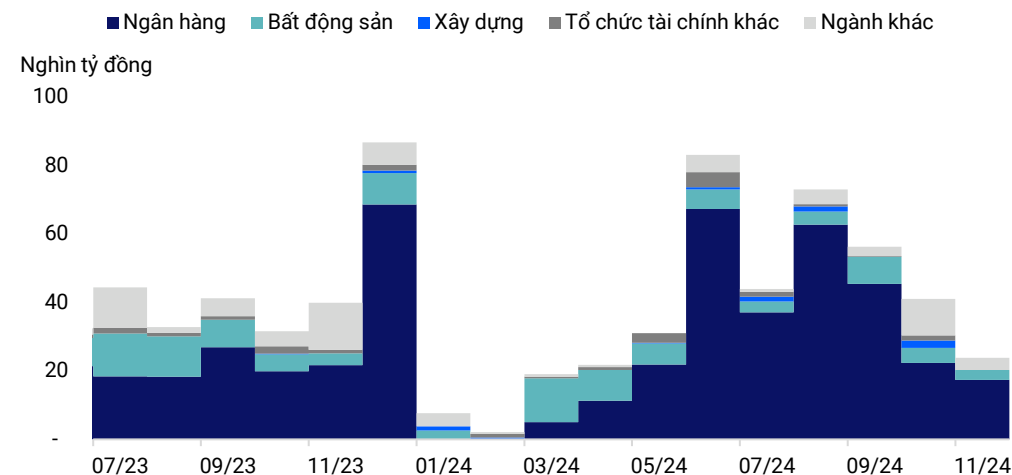
Nguồn: HNX, VIS Rating

Phát hành mới

Lượng phát hành trái phiếu mới trong 11 tháng đầu năm 2024 đã đạt trên 400 nghìn tỷ đồng

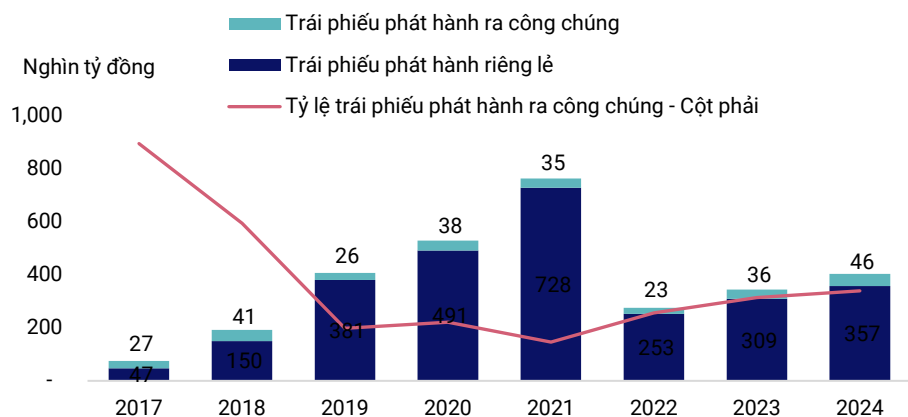
- Trong tháng 11/2024, lượng phát hành trái phiếu mới giảm xuống 23.4 nghìn tỷ đồng từ mức 39.1 nghìn tỷ đồng trong tháng 10/2024. Các ngân hàng thương mại đã phát hành tổng cộng 17.4 nghìn tỷ đồng, tiếp tục chiếm phần lớn trong các đợt phát hành mới.
- Trong số các trái phiếu do các ngân hàng phát hành vào tháng 11/2024, 25% là trái phiếu thứ cấp đủ điều kiện tính vào vốn cấp 2, được phát hành bởi Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố Hồ Chí Minh, Ngân hàng TMCP Tiên Phong và Ngân hàng TMCP Lạc Phát Việt Nam. Các trái phiếu vốn cấp 2 này có kỳ hạn từ 7 đến 10 năm và lãi suất từ 6.0% đến 7.6% trong năm đầu tiên. Các trái phiếu khác là trái phiếu không có tài sản đảm bảo với kỳ hạn 2-5 năm và lãi suất từ 4.9% đến 6.4%.
- Trong tháng 11/2024, một TCPH thuộc nhóm ngành Hàng tiêu dùng và phát hành ra công chúng với tổng giá trị là 400 tỷ đồng. Trong năm 2024, số lượng trái phiếu phát hành ra công chúng tăng 30% so với 2023, đạt 46 nghìn tỷ đồng. 10.2% tổng lượng trái phiếu phát hành mới đến từ các đợt phát hành ra công chúng.

Hình 14: Trái phiếu phát hành mới hàng tháng theo nhóm ngành



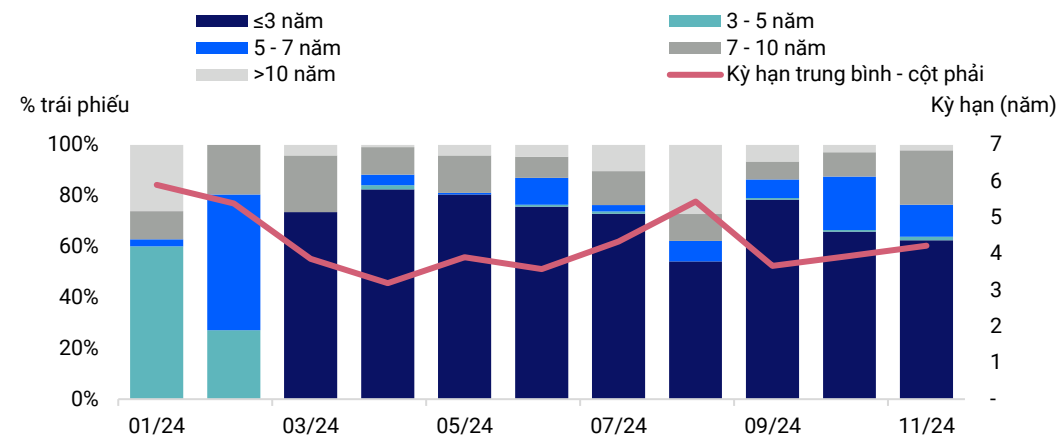
Nguồn: VIS Rating

Hình 15: Phát hành riêng lẻ/ra công chúng theo năm



Ghi chú: Số liệu năm 2024 tính đến cuối tháng 11/2024
 Nguồn: VIS Rating

Hình 16: Cấu trúc kỳ hạn của các TPDN phát hành mới



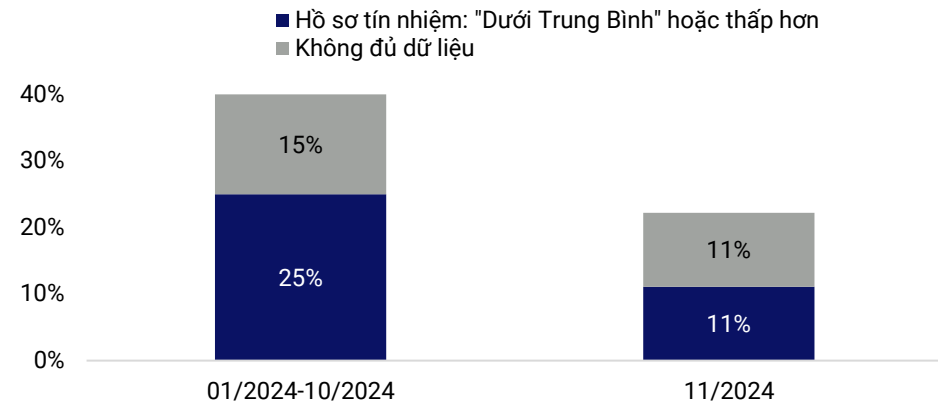
Nguồn: VIS Rating

Hồ sơ tín nhiệm của TCPH

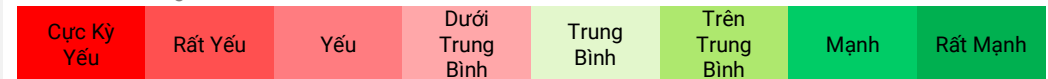
Tất cả TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc yếu hơn trong tháng 11/2024 là doanh nghiệp phi tài chính

- Chúng tôi ước tính có 11% TCPH trong tháng 11/2024 có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới Trung bình' hoặc thấp hơn, cải thiện so với 10 tháng đầu 2024 ở mức 25%.
- Trong tháng 11/2024, 88% TCPH thuộc nhóm phi tài chính có hệ số đòn bẩy ở mức yếu. Trong đó, 5 TCPH có dòng tiền hoạt động ở mức yếu và cực kỳ yếu để thanh toán các khoản nợ. Ngoài ra, một TCPH có hệ số đòn bẩy cực kỳ yếu và hệ số bao phủ nợ ở mức yếu, dẫn đến hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Yếu'.
- Tất cả tổ chức tài chính phát hành trái phiếu trong tháng 11/2024 có Khả năng thanh toán (Solvency) và Tính thanh khoản (Liquidity) ở mức trung bình hoặc cao hơn.
- Từ đầu năm đến nay, 55% TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức 'Dưới trung bình' hoặc thấp hơn thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở và Xây dựng. Hơn nửa số TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu là các công ty mới thành lập không có hoạt động kinh doanh cốt lõi.

Hình 17: TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu hoặc không công bố đủ thông tin để đánh giá giảm trong tháng 11/2024



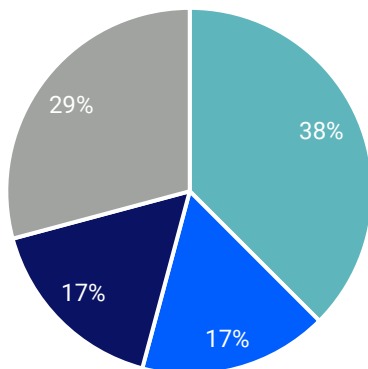
Ghi chú: TCPH có hồ sơ tín nhiệm ở mức Dưới Trung Bình, Yếu, Rất Yếu, Cực kỳ Yếu được phân thuộc nhóm Yếu dựa trên 8 mức đánh giá như hình dưới



Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 18: 55% TCPH có hồ sơ tín nhiệm yếu thuộc nhóm Bất động sản Nhà ở và Xây dựng

■ Bất động sản Nhà ở ■ Xây dựng ■ Tổ chức tài chính ■ Ngành khác



Ghi chú: Dữ liệu tổng hợp từ tháng 1/2024 đến 11/2024, không bao gồm các TCPH có thông tin hạn chế
 Nguồn: VIS Rating

Exhibit 19: Tỷ lệ % TCPH có một hoặc nhiều tiêu chí trong hồ sơ tín nhiệm yếu

	01/2024-10/2024	11/2024
Tổ chức tài chính	Khả năng thanh toán (18%)	0%
	Tính thanh khoản (21%)	0%
Nhóm phi tài chính	Hệ số đòn bẩy (26%)	25%
	Hệ số bao phủ nợ (74%)	88%

Nguồn: VIS Rating

Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 11/2024

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKKD cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)	Nguồn dữ liệu tài chính
TPBL2434023	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	362	1-11-24	1-11-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.9% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
ACBL2426013	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	1500	4-11-24	4-11-26	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 6T + 0.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	24,140	Dữ liệu công ty
IPAH2429004	CTCP Tập đoàn Đầu tư I.P.A	Năng lượng	600	5-11-24	5-11-29	Cố định - 3 tháng	9.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	2,748	Dữ liệu công ty
BABL2427008	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	1000	5-11-24	5-11-27	Cố định - 12 tháng	5.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	12,000	Dữ liệu công ty
HDBL2432020	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	200	6-11-24	6-11-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T + 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	36,940	Dữ liệu công ty
ACBL2426014	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	2000	6-11-24	6-11-26	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 5.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 6T + 0.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	24,140	Dữ liệu công ty
PKACH2431002	CTCP Tập đoàn Phương Hoàng Xanh A&A	Vật liệu xây dựng	200	8-11-24	30-9-31	Cố định - 6 tháng	8.2%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	1,420	Các nguồn khác
VHMB2427008	CTCP Vinhomes	Bất động sản	2000	8-11-24	8-11-27	Cố định - 6 tháng	12.0%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	22,500	Dữ liệu công ty
TPBL2427024	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	1000	11-11-24	11-11-27	Cố định - 12 tháng	5.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
EIBL2426002	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	400	12-11-24	12-11-26	Cố định - 6 tháng	5.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,500	Dữ liệu công ty
VPMCH2431001	CTCP Dịch vụ Quản lý Tài sản Việt Nam	Dịch vụ	1700	12-11-24	12-11-31	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu :10.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +3.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	SEASECURITIES	Riêng lẻ	Không	1,700	Dữ liệu công ty
HDBL2431021	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	440	13-11-24	13-11-31	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu :7.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	36,940	Dữ liệu công ty
LPBL2431008	Ngân hàng TMCP Lộc Phát Việt Nam	Ngân hàng	200	13-11-24	13-11-31	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu :7.6% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +2.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	14,360	Dữ liệu công ty
TPBL2434025	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	50	14-11-24	14-11-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu :6.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +1.3%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty
VCBL2426001	Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam	Ngân hàng	2000	14-11-24	14-11-26	Cố định - 12 tháng	4.9%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	5,000	Dữ liệu công ty
MSBL2427010	Ngân hàng TMCP Hàng hải Việt Nam	Ngân hàng	1000	14-11-24	14-11-27	Cố định - 12 tháng	5.1%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	17,300	Dữ liệu công ty
CIH2427004	CTCP Đầu tư Hạ tầng Kỹ thuật Thành phố Hồ Chí Minh	Hạ tầng giao thông	108	15-11-24	15-11-27	Thả nổi - 3 tháng	Năm đầu :10.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T +4.3%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,821	Dữ liệu công ty
ABBL2427001	Ngân hàng TMCP An Bình	Ngân hàng	800	19-11-24	19-11-27	Cố định - 12 tháng	5.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	6,100	Dữ liệu công ty

Nguồn: HNX, VIS Rating

* Dữ liệu trong báo cáo này được cập nhật đến ngày 1 tháng 12 năm 2024, trừ khi có ghi chú khác. Sản phẩm này không phải là một báo cáo xếp hạng tín nhiệm

Hình 20: Danh sách phát hành mới tháng 11/2024 (tiếp theo)

Mã trái phiếu	Tổ chức phát hành	Ngành	Giá trị phát hành (tỷ đồng)	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Phương thức thanh toán	Lãi suất phát hành	Quyền chọn đính kèm	Hình thức bảo đảm	Thứ tự thanh toán	Tổ chức lưu ký	Hình thức phát hành	Doanh nghiệp mới thành lập không có HKĐK cốt lõi	Giá trị TP phát hành 12 tháng gần nhất của TCPH (tỷ đồng)		Nguồn dữ liệu tài chính
TPBL2434026	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	38	19-11-24	19-11-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.9% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+2.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty	
ACBL2429015	Ngân hàng TMCP Á Châu	Ngân hàng	800	19-11-24	19-11-29	Cố định - 12 tháng	6.0%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	24,140	Dữ liệu công ty	
BABL2427009	Ngân hàng TMCP Bắc Á	Ngân hàng	1000	20-11-24	20-11-27	Cố định - 12 tháng	5.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	12,000	Dữ liệu công ty	
HCMCH242902	Công ty TNHH Hoàng Trúc My	Bất động sản	880	21-11-24	21-11-29	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 12.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+ 4.5%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	HDBS	Riêng lẻ	Không	1,080	Các nguồn khác	
TPBL2434027	Ngân hàng TMCP Tiên Phong	Ngân hàng	210	21-11-24	21-11-34	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 6.9% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+ 2.2%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	34,382	Dữ liệu công ty	
HDBL2432022	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1000	22-11-24	22-11-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+ 2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	36,940	Dữ liệu công ty	
TNGH2428001	CTCP Đầu tư và Thương mại TNG	Sản phẩm tiêu dùng	400	25-11-24	25-11-28	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 9.5% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+ 3.5%	TCPH được mua lại	Có bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Công chúng	Không	400	Dữ liệu công ty	
VNGB2427001	CTCP Du lịch Thành Thành Công	Du lịch, nghỉ dưỡng	500	25-11-24	25-11-27	Thả nổi - 12 tháng	Năm đầu: 11.0% Các năm sau: lãi tiền gửi 12T+ 5.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	TCBS	Riêng lẻ	Không	500	Không có thông tin	
HDBL2432023	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1000	26-11-24	26-11-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: lãi tham chiếu +2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	36,940	Dữ liệu công ty	
EIBH2429003	Ngân hàng TMCP Xuất nhập khẩu Việt Nam	Ngân hàng	1400	27-11-24	27-11-29	Cố định - 12 tháng	6.4%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Ưu tiên	VSDC	Riêng lẻ	Không	3,500	Dữ liệu công ty	
HDBL2432024	Ngân hàng TMCP Phát triển TP. HCM	Ngân hàng	1000	27-11-24	27-11-32	Thả nổi - 6 tháng	Năm đầu: 7.5% Các năm sau: lãi tham chiếu +2.8%	TCPH được mua lại	Không bảo đảm	Thứ cấp	VSDC	Riêng lẻ	Không	36,940	Dữ liệu công ty	

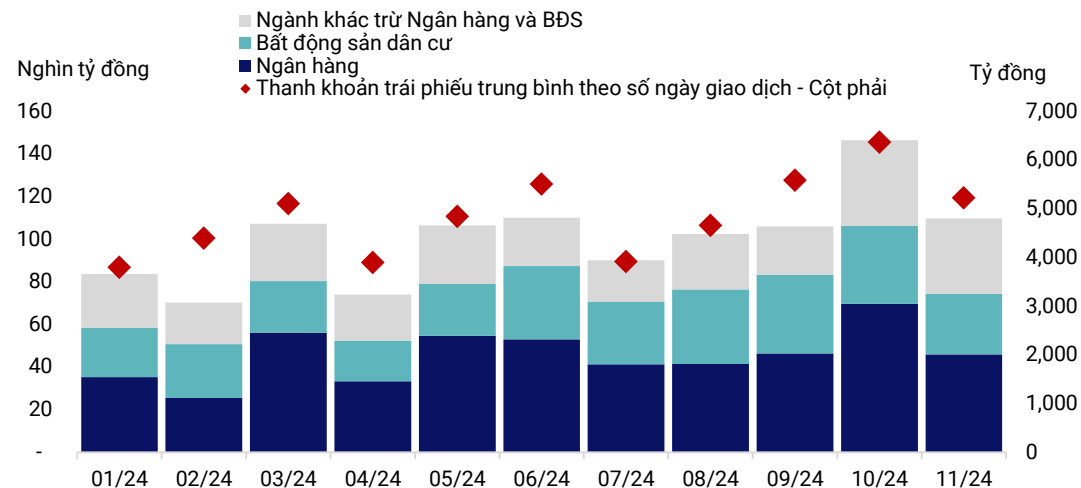
Nguồn: HNX, VIS Rating

Thị trường thứ cấp

Giá trị TPDN giao dịch trung bình trên thị trường thứ cấp giảm 18% so với tháng trước

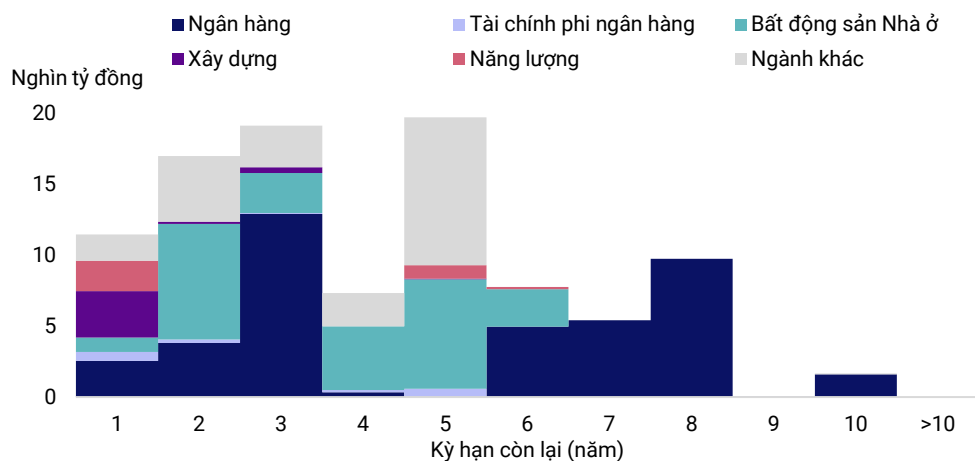
- Giá trị TPDN giao dịch trung bình trên thị trường thứ cấp giảm 18%, đạt 5.2 nghìn tỷ đồng/ngày trong tháng 11/2024, thấp hơn so với mức 6.4 nghìn tỷ đồng trong 10/2024.
- Trái phiếu do nhóm Ngân hàng và Bất động sản phát hành chiếm khoảng 70% khối lượng giao dịch trong tháng. 50% khối lượng giao dịch có kỳ hạn còn lại trong khoảng 1 đến 3 năm.
- Hầu hết các trái phiếu giao dịch trong tháng 11/2024 thuộc nhóm Ngân Hàng, Bất Động Sản, sản xuất ô tô và các ngành sản xuất khác.
- Trong tháng 11/2024, lợi suất trung bình của trái phiếu ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên trung bình” duy trì ổn định so với tháng trước trên hầu hết các kỳ hạn.

Hình 21: Giá trị TPDN giao dịch hàng tháng phân theo ngành



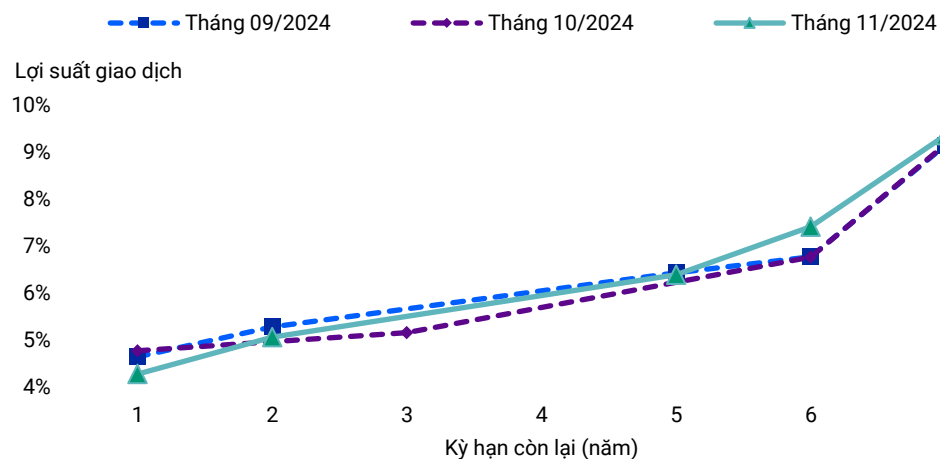
Ghi chú: Chúng tôi tính toán khối lượng giao dịch trung bình dựa trên khối lượng giao dịch trong tháng / tổng số ngày giao dịch tại tháng đó
 Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 22: Giá trị TPDN giao dịch phân theo kỳ hạn và ngành



Nguồn: HNX, VIS Rating

Hình 23: Lợi suất giao dịch bình quân các trái phiếu Ngân hàng có chất lượng tín nhiệm “Trên Trung bình”¹



Ghi chú: Lợi suất giao dịch trung bình ước tính từ các giao dịch trái phiếu phát hành riêng lẻ và trái phiếu phát hành ra công chúng trong tháng, loại trừ dữ liệu từ các giao dịch của trái phiếu chuyển đổi

¹ Tham khảo [Thang điểm xếp hạng tín nhiệm - VIS Rating](#)

Nguồn: HNX, VIS Rating

Phụ lục

Tên viết tắt của các Tổ chức lưu ký

#	Tên viết tắt	Tên đầy đủ
1	AAS	CTCP Chứng khoán Smart Invest
2	ABW	CTCP Chứng khoán An Bình
3	BID	Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam
4	BMS	CTCP Chứng khoán Bảo Minh
5	BSI	CTCP Chứng khoán BIDV
6	BVS	CTCP Chứng khoán Bảo Việt
7	CTG	Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam
8	CTS	CTCP Chứng khoán Công Thương Việt Nam
9	DSC	CTCP Chứng khoán DSC
10	EVS	CTCP Chứng khoán EVEREST
11	HCM	CTCP Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh
12	HDBS	CTCP Chứng khoán HD
13	HRS	CTCP Chứng khoán SmartMind
14	IVB	Ngân hàng TNHH Indovina
15	IVS	CTCP Chứng khoán Guotai Junan
16	MAS	Công ty Cổ Phần Chứng khoán Mirae Asset (Việt Nam)
17	MBB	Ngân hàng TMCP Quân Đội
18	MBS	CTCP Chứng khoán MB
19	NSI	CTCP Chứng khoán Quốc Gia
20	PHS	CTCP Chứng khoán Phú Hưng
21	PSI	CTCP Chứng khoán Dầu khí
22	SEASECURITIES	CTCP Chứng khoán Asean
23	SHS	CTCP Chứng khoán Sài Gòn - Hà Nội
24	TCBS	CTCP Chứng khoán Kỹ thương
25	TCI	CTCP Chứng Khoán Thành Công
26	TPB	Ngân hàng TMCP Tiên Phong
27	TVS	CTCP Chứng khoán Thiên Việt
28	TVSI	CTCP Chứng khoán Tân Việt
29	VCBS	Công ty TNHH Chứng khoán Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam
30	VDS	CTCP Chứng khoán Rồng Việt
31	WISE	CTCP chứng khoán Quốc tế Việt Nam
32	VIX	CTCP Chứng khoán VIX
33	VND	CTCP Chứng khoán VNDIRECT
34	VPBS	CTCP Chứng khoán VPBank
35	VSDC	Tổng công ty Lưu ký và Bù trừ Chứng khoán Việt Nam

Nguồn: VIS Rating

© 2024 CÔNG TY CỔ PHẦN XẾP HẠNG TÍN NHIỆM ĐẦU TƯ VIỆT NAM ("VIS RATING"). Đã đăng ký bản quyền.

XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING LÀ CÁC QUAN ĐIỂM HIỆN TẠI CỦA CHÚNG TÔI VỀ RỦI RO TÍN NHIỆM TƯƠNG ĐỐI TRONG TƯƠNG LAI CỦA CÁC TỔ CHỨC, NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC HOẶC VỀ BÊN PHÁT HÀNH CỦA CÁC LOẠI NỢ HOẶC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH, CHỨNG KHOÁN NỢ, CỔ PHẦN ƯU ĐÃI HOẶC CÁC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH KHÁC ĐÓ TẠI VIỆT NAM VÀ CÁC TÀI LIỆU, SẢN PHẨM, DỊCH VỤ VÀ THÔNG TIN DO VIS RATING CÔNG BỐ (GỌI CHUNG LÀ "CÁC ẮN PHẨM") CÓ THỂ BAO GỒM CÁC QUAN ĐIỂM NHƯ VẬY. VIS RATING ĐỊNH NGHĨA RỦI RO TÍN DỤNG LÀ RỦI RO MÀ MỘT TỔ CHỨC KHÔNG THỂ ĐÁP ỨNG CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG KHI CHÚNG ĐẾN HẠN VÀ BẤT KỶ TỔN THẤT TÀI CHÍNH ƯỚC TÍNH NÀO TRONG TRƯỜNG HỢP MẤT KHẢ NĂNG THANH TOÁN HOẶC LỖ DO SUY GIẢM GIÁ TRỊ. VUI LÒNG THAM KHẢO ẮN PHẨM VỀ CÁC KỶ HIỆU XẾP HẠNG VÀ ĐỊNH NGHĨA CỦA VIS RATING ĐỂ XEM CÁC THÔNG TIN VỀ CÁC LOẠI NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH THEO HỢP ĐỒNG ĐƯỢC ĐỀ CẬP TRONG CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM CỦA VIS RATING. BÊN CẠNH NHỮNG RỦI RO CƠ BẢN CẦN ĐƯỢC ĐÁNH GIÁ THEO QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT VIỆT NAM (BAO GỒM NGHỊ ĐỊNH 88/2014/NĐ-CP NGÀY 26 THÁNG 9 NĂM 2014 CỦA CHÍNH PHỦ VIỆT NAM) VỀ DỊCH VỤ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM TÙY TỪNG THỜI ĐIỂM, XẾP HẠNG TÍN NHIỆM KHÔNG GIẢI QUYẾT BẤT KỶ RỦI RO NÀO KHÁC, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN Ở RỦI RO THANH KHOẢN, RỦI RO GIÁ TRỊ THỊ TRƯỜNG HOẶC BIẾN ĐỘNG GIÁ CẢ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ KHÔNG PHẢI VỀ TÍN NHIỆM ("CÁC ĐÁNH GIÁ"), VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC NẾU TRONG CÁC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ CÁC TUYÊN BỐ VỀ DỮ KIẾN HIỆN TẠI HOẶC QUÁ KHỨ. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING CHỈ NHẪM MỤC ĐÍCH THAM KHẢO VÀ KHÔNG CẤU THÀNH VÀ KHÔNG CUNG CẤP LỜI KHUYÊN ĐẦU TƯ HOẶC TÀI CHÍNH, VÀ CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG PHẢI LÀ VÀ KHÔNG CUNG CẤP KHUYẾN NGHỊ ĐẦU TƯ, GÓP VỐN, MUA, BÁN HOẶC GIỮ BẤT KỶ CÔNG CỤ NỢ HOẶC CÔNG CỤ TÀI CHÍNH CỤ THỂ NÀO. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG BÌNH LUẬN VỀ TÍNH THÍCH HỢP CỦA VIỆC ĐẦU TƯ CHO BẤT KỶ NHÀ ĐẦU TƯ NÀO. VIS RATING ĐƯA RA XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ VÀ CÁC QUAN ĐIỂM VÀ CÔNG BỐ CÁC ẮN PHẨM VỚI KỶ VỌNG VÀ HIỂU BIẾT RẰNG MỖI NHÀ ĐẦU TƯ SẼ, VỚI SỰ CẦN TRỌNG CẦN THIẾT, TỰ NGHIÊN CỨU VÀ ĐÁNH GIÁ VỀ MỖI CHỨNG KHOÁN HOẶC CÔNG CỤ NỢ MÀ HỌ ĐANG XEM XÉT MUA, BÁN HOẶC GIỮ.

CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC, VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI CÁC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP VÀ VIỆC NHÀ ĐẦU TƯ KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP SỬ DỤNG XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, VÀ CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC HOẶC ẮN PHẨM CỦA VIS RATING KHI QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ LÀ KHÔNG CẦN TRỌNG VÀ KHÔNG PHÙ HỢP. NẾU KHÔNG CHẮC CHẮN, VUI LÒNG LIÊN HỆ VỚI CỔ VẤN TÀI CHÍNH HOẶC CỔ VẤN CHUYÊN NGHIỆP KHÁC CỦA BẠN.

TẤT CẢ CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY (BAO GỒM CẢ THÔNG TIN CỦA VIS RATING VÀ/HOẶC CÁC BÊN THỨ BA ĐÃ LI XĂNG CHO VIS RATING ĐƯỢC TÍCH HỢP CÁC THÔNG TIN TẠI ĐÂY ("CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING")) ĐƯỢC PHÁP LUẬT BẢO VỆ, BAO GỒM NHƯNG KHÔNG GIỚI HẠN QUY ĐỊNH PHÁP LUẬT VỀ QUYỀN TÁC GIẢ, VÀ KHÔNG MỘT THÔNG TIN NÀO, HOẶC MỘT PHẦN HOẶC TOÀN BỘ THÔNG TIN ĐÓ, ĐƯỢC SAO CHÉP, HOẶC BẰNG CÁCH KHÁC TẠO BẢN SAO, ĐÓNG GÓI LẠI, TRUYỀN DẪN, CHUYỂN NHƯỢNG, PHÁT TÁN, PHÂN PHỐI, PHÂN PHỐI LẠI HOẶC BÁN LẠI, HOẶC LƯU TRỮ LẠI ĐỂ SỬ DỤNG VỀ SAU CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO NHƯ VỪA NÊU, DƯỚI BẤT KỶ DẠNG NÀO HOẶC CÁCH THỨC NÀO HOẶC PHƯƠNG TIỆN NÀO, BỞI BẤT KỶ NGƯỜI NÀO MÀ KHÔNG CÓ SỰ CHẤP THUẬN TRƯỚC BẰNG VĂN BẢN CỦA VIS RATING HOẶC CÁC BÊN CẤP LI XĂNG CHO VIS RATING. CÁC XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM VÀ ẮN PHẨM KHÁC CỦA VIS RATING KHÔNG NHẪM ĐƯỢC SỬ DỤNG BỞI BẤT KỶ BÊN NÀO NHƯ LÀ MỘT TIÊU CHUẨN VÌ KHÁI NIỆM NÀY ĐƯỢC ĐỊNH NGHĨA PHỤC VỤ CHO MỤC ĐÍCH QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC VÀ KHÔNG ĐƯỢC SỬ DỤNG THEO BẤT CỨ CÁCH NÀO MÀ CÓ THỂ DẪN TỚI VIỆC CHÚNG ĐƯỢC XEM NHƯ LÀ CÁC TIÊU CHUẨN.

Tất cả các thông tin được VIS Rating thu thập từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng chính xác và đáng tin cậy. Tuy nhiên, do có khả năng xảy ra lỗi của con người hoặc máy móc cũng như các yếu tố khác, tất cả các thông tin tại đây được cung cấp trên cơ sở "NGUYÊN TRẠNG" mà không có bảo đảm dưới bất kỳ hình thức nào. VIS Rating tiến hành tất cả các biện pháp cần thiết để các thông tin chúng tôi sử dụng trong xếp hạng tín nhiệm có chất lượng và từ các nguồn mà VIS Rating cho rằng đáng tin cậy bao gồm, khi thích hợp, các nguồn từ bên thứ ba độc lập. Tuy nhiên, VIS Rating không phải là công ty kiểm toán và không thể độc lập xác minh hoặc xác nhận các thông tin nhận được tại mọi thời điểm trong quá trình xếp hạng hoặc chuẩn bị các Ắn Phẩm của mình.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kỳ tổn thất hoặc thiệt hại gián tiếp, đặc biệt, là hậu quả hoặc là tổn thất, thiệt hại ngẫu nhiên nào phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không có khả năng sử dụng bất kỳ thông tin nào tại đây, ngay cả khi VIS Rating hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng hoặc nhà cung cấp của VIS Rating đã được tư vấn trước về khả năng xảy ra tổn thất hoặc thiệt hại đó, bao gồm nhưng không giới hạn: (a) mất lợi nhuận hiện tại hoặc dự kiến hoặc (b) các tổn thất và thiệt hại phát sinh khi các công cụ tài chính liên quan không phải là đối tượng của một xếp hạng tín nhiệm cụ thể do VIS Rating đánh giá.

Trong phạm vi pháp luật cho phép, VIS Rating và tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp từ chối trách nhiệm đối với bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào đối với bất kể tổn thất hoặc thiệt hại trực tiếp hoặc có tính chất bồi thường gây ra cho bất kỳ cá nhân hoặc tổ chức nào, bao gồm nhưng không giới hạn bởi sự bất cẩn (nhưng ngoại trừ gian lận, cố tình làm sai hoặc các loại trách nhiệm khác mà, để tránh hiểu lầm, không thể bị loại trừ theo quy định pháp luật), của, hoặc do bất kỳ sự kiện bất ngờ trong hoặc ngoài khả năng kiểm soát của VIS Rating, hoặc tất cả các giám đốc, quản lý, nhân viên, đại lý, người đại diện, bên cấp li-xăng và nhà cung cấp của VIS Rating, phát sinh từ hoặc liên quan tới các thông tin tại đây hoặc việc sử dụng hoặc không thể sử dụng các thông tin đó.

KHÔNG CÓ BẤT KỶ BẢO ĐẢM NÀO, DÙ RÕ RÀNG HAY NGỤ Ý, ĐỐI VỚI SỰ CHÍNH XÁC, ĐÚNG THỜI ĐIỂM, TÍNH HOÀN CHỈNH, KHẢ NĂNG THƯƠNG MẠI HOẶC TÍNH PHÙ HỢP CHO BẤT KỶ MỤC ĐÍCH NÀO CỦA BẤT KỶ XẾP HẠNG TÍN NHIỆM, ĐÁNH GIÁ, QUAN ĐIỂM HOẶC THÔNG TIN KHÁC ĐƯỢC VIS RATING ĐƯA RA HOẶC TẠO RA DƯỚI BẤT KỶ HÌNH THỨC HOẶC CÁCH THỨC NÀO.

VIS RATING CÓ THỂ ĐIỀU CHỈNH VÀ/HOẶC THAY ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TẠI BẤT KỶ THỜI ĐIỂM NÀO, VÌ BẤT KỶ LÝ DO GÌ. TUY NHIÊN, VIS RATING KHÔNG (VÀ KHÔNG CÓ Ý ĐỊNH) CAM KẾT CÓ NGHĨA VỤ CÔNG BỐ VIỆC BỔ SUNG, CẬP NHẬT HOẶC SỬA ĐỔI CÁC ẮN PHẨM CỦA MÌNH TRONG TƯƠNG LAI. NGƯỜI DÙNG TỰ CHỊU RỦI RO TRONG VIỆC SỬ DỤNG VÀ/HOẶC DỰA VÀO CÁC ĐÁNH GIÁ, CÁC QUAN ĐIỂM KHÁC VÀ ẮN PHẨM CỦA VIS RATING.

VIS Rating duy trì các chính sách và quy trình để đảm bảo sự độc lập trong các xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating và các quy trình xếp hạng tín nhiệm. Thông tin liên quan đến, bên cạnh các thông tin khác, các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating, bất kỳ thay đổi về tỷ lệ sở hữu nào của các cổ đông nắm giữ trên 5% vốn điều lệ thực góp của VIS Rating và danh sách các tổ chức được xếp hạng với phí dịch vụ xếp hạng tín nhiệm chiếm trên 5% tổng doanh thu hoạt động xếp hạng tín nhiệm của VIS Rating trong năm tài chính liền trước thời điểm công bố thông tin, được đăng tải tại <https://visrating.com> dưới tiêu đề "Thông Tin Doanh Nghiệp".